

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 19/9/2022

V/v: “ Yêu cầu tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu; Chia tài sản
chung, nợ chung sau khi ly hôn;
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Thẩm phán: Ông Hàng Lâm Viên và bà Ngô Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Ông Ngô Văn Nghi – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2022/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc: “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; Chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn; Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Kim L, sinh năm: 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Bà Trương Kim L1, sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Tạm trú: Ấp M, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ trụ sở chính: A T, phường C, quận H, TP .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến H – chuyên viên Phòng khách hàng Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh N (có mặt).

Địa chỉ: D đường A, phường T, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận.

3.2. Văn phòng C.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị V – Trưởng Văn phòng (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: A đường B T, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Kim L kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Huỳnh Kim L trình bày:

Ông Huỳnh Kim L, bà Trương Kim L1 kết hôn vào ngày 03/05/2018 và ly hôn theo Bản án số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang – T. Ông L và bà L1 không thỏa thuận được vấn đề phân chia tài sản chung, nợ chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: một chiếc xe ô tô biển số 85C-045.19, nhãn hiệu: Hino, loại xe: Tải có mui, số máy: J08EWD10128, số khung: 8JW7HXX10020, màu xe: Trắng có giá lúc mua là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Giá trị còn lại tại thời điểm (ngày 23/12/2021) là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng)

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh N (sau đây viết tắt là Ngân hàng) số tiền 1.240.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: HĐTD62020181029 ngày 20/8/2018, hình thức vay trả gốc và lãi trong thời hạn 72 tháng, tính từ ngày 21/08/2018.

Khoảng tháng 04/2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và muốn ly hôn. Do nhu cầu các bên, cả hai có thỏa thuận thống nhất với nhau: Ông L sẽ lấy chiếc xe trên và chịu trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng; Đồng thời, ông L sẽ trả lại cho bà L1 số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) (ông đã tự thanh toán gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng từ tháng 4/2019 cho đến nay bằng tiền riêng của mình). Tuy nhiên, để làm tin, ngày 22/4/2019, ông L và bà L1 đến Văn phòng C lập Hợp đồng cho vay tiền số 16/HĐVTS số công chứng 3044, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD, trên Hợp đồng vay tài sản ghi nhận nội dung “tôi có vay bà L1 số

tiền 400 triệu đồng”, nhưng thực tế không có việc vay mượn, ông **L** chưa nhận số tiền 400.000.000 đồng từ bà **L1**.

Ông **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Chia tài sản chung 01 xe ô tô hiệu HINO, biển số 85C 045.19 và nợ vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh N Hợp đồng tín dụng số: HĐTD62020181029 ngày 20/8/2018; đề nghị được nhận xe ô tô hiệu HINO, biển số 85C 045.19 và chịu trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng 568.303.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm lẻ ba ngàn đồng). Đồng thời ông **Huỳnh Kim L** có nghĩa vụ hoàn trả cho bà **Trương Kim L1** số tiền 465.848.000 đồng (Cụ thể giá trị xe 1.500.000.000 đồng - 568.303.000 đồng (số tiền nợ gốc tại Ngân hàng tính đến ngày 23/12/2021) = 931.697.000 đồng /2)

- Huỷ Hợp đồng cho vay tiền số 16/HĐVTS với số công chứng 3044, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/04/2019 được lập tại Văn phòng C.

*Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà **Trương Kim L1** là ông **Nguyễn Quốc T** trình bày:*

Bà **Trương Kim L1** và ông **Huỳnh Kim L** kết hôn vào ngày 03/05/2018 và đã ly hôn bằng Bản án số 25/2020/HNGĐ-ST ngày 08/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Phan Rang – T. Tài sản chung và nợ chung như nguyên đơn trình bày là đúng.

Bị đơn thống nhất với nguyên đơn về việc xác định giá xe ô tô biển số 85C-045.19, nhãn hiệu HINO, màu trắng, loại tải có mui, số máy J08EWD10128, số khung 8JW7HXX10020, có giá trị còn lại 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) để giải quyết tranh chấp về sau (kể cả trường hợp tăng hoặc giảm về giá trị nếu có). Đồng ý đề nghị của nguyên đơn về việc chia tài sản chung và nợ chung và yêu cầu Tòa án công nhận sự thoả thuận này, theo đó bà **Trương Kim L1** giao cho ông **Huỳnh Kim L** được quyền sở hữu xe ô tô nhãn hiệu HINO, màu trắng, loại tải có mui, số máy: J08EWD10128, số khung: 8JW7HXX10020, biển số 85C-045.19. Ông **Huỳnh Kim L** có nghĩa vụ trả số nợ còn lại cho Ngân hàng số tiền 568.303.000 (Năm trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm lẻ ba ngàn đồng). Ông **Huỳnh Kim L** có nghĩa vụ trả cho bà **Trương Kim L1** số tiền 465.848.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

- Ngày 22/01/2021 bị đơn bà **Trương Kim L1** có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Huỳnh Kim L** phải trả cho bà **Trương Kim L1** 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) theo hợp đồng số 16/HĐVTS ngày 22/04/2019 tại văn phòng C. Bà **L1** cho rằng ngày 21/4/2019 tại nhà của ông **L** tại khu phố B, phường T, thành phố P - T, bà **L1** đã giao đủ cho ông **L** 400.000.000 đồng tiền mặt. Tuy

kết hôn tháng 5/2018 nhưng trong quá trình chung sống không hòa hợp. Về kinh tế bà **L1** và ông **L** hoàn toàn độc lập, ngoài tài sản là chiếc xe và khoản nợ vay ngân hàng thì không có bất kỳ mối quan hệ tài sản khác với nhau. Việc ông **L** vay bà **L1** số tiền 400.000.000 đồng là khoản vay bình thường giữa cá nhân với nhau vì ông **L** dùng vào mục đích riêng, bà **L1** không có nghĩa vụ và không thể chứng minh được ông dùng làm việc gì và không được bất kỳ lợi ích gì thể hiện tính độc lập thông qua hợp đồng công chứng.

*Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng thương mại cổ phần B** là ông **Nguyễn Tiến H** trình bày:*

Ngày 20/8/2018, Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số HĐTD62020181029 với ông **Huỳnh Kim L** và bà **Trương Kim L1**, theo đó Ngân hàng cho ông **L** và bà **L1** vay số tiền 1.240.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng), thời gian cho vay 72 tháng, lãi suất 11,25%/năm. Tài sản thế chấp là xe ô tô tải thùng, mui bạt, nhãn hiệu Hino, biển số 85C-045.19, theo Giấy chứng nhận đăng ý xe ô tô số 003496 do **Phòng C1 – Công an tỉnh N** cấp ngày 13/8/2018 cho bà **Trương Kim L1**.

Ông **H** đồng ý với sự thoả thuận của nguyên đơn và bị đơn tại biên bản hoà giải ngày 23/12/2021. Theo đó, ông **Huỳnh Kim L** có nghĩa vụ trả số nợ còn lại cho Ngân hàng tính đến ngày 23/12/2021 là 568.303.000 (năm trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm lẻ ba ngàn đồng). Từ ngày 23/12/2021 đến ngày 21/4/2022 ông **L** đã trả cho Ngân hàng thêm số tiền 68.862.000 đồng, số tiền nợ còn lại ông **L** có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng là 499.441.000 (Bốn trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn đồng) và lãi suất trên số nợ gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

*Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, **Văn phòng C** trình bày:*

Vào ngày 22/4/2019, ông **Huỳnh Kim L** và bà **Trương Kim L1** đến **Văn phòng C** yêu cầu **Văn phòng C** soạn thảo Hợp đồng vay tiền, bên cho vay là bà **Trương Kim L1**, sinh năm: 1974 và bên vay là ông **Huỳnh Kim L**, sinh năm: 1966. Theo nội dung của Hợp đồng vay tiền: ông **L** và bà **L1** thỏa thuận bà **L1** cho ông **L** vay số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, mục đích vay để kinh doanh, thời hạn vay 02 tháng, kể từ ngày 22/4/2019 đến ngày 22/6/2019. Như vậy, Hợp đồng vay tiền này đã tự chấm dứt.

Văn phòng C chứng nhận Hợp đồng vay tiền nêu trên là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, tại thời điểm công chứng hai bên có năng lực hành vi dân

sự, các bên đã đọc lại hợp đồng và đã đồng ý nội dung thể hiện ý chí của hai bên, nên đã ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng trước sự chứng kiến của công chứng viên.

Tại bản án sơ thẩm số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 464 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 28, 33, 35 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Huỳnh Kim L và bà Trương Kim L1 về việc chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng sau ly hôn, cụ thể: Ông Huỳnh Kim L được quyền sở hữu 01 (một) xe ô tô biển số 85C-045.19; nhãn hiệu HINO, màu trắng, loại tải có mui, số máy J08EWD10128, số khung 8JW7HXX10020 theo Giấy chứng nhận đăng ý xe ô tô số 003496 do Phòng C1 – Công an tỉnh N cấp ngày 13/8/2018 cho bà Trương Kim L1.

Ông Huỳnh Kim L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B chi nhánh N số tiền vay tính đến ngày 21/4/2022 là 499.441.000 (Bốn trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn đồng) theo hợp đồng tín dụng số HĐTD62020181029 ngày 20/8/2018 và tiền lãi trên số dư nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ông Huỳnh Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Trương Kim L1 số tiền 465.848.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Sau khi thực hiện xong nghĩa thanh toán cho bà Trương Kim L1 465.848.000 đồng, ông Huỳnh Kim L có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận đăng ý xe ô tô số 003496 ngày 13/8/2018 sang cho ông Huỳnh Kim L.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Kim L về việc huỷ Hợp đồng cho vay tiền số 16/HĐVTS với số công chứng 3044, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/04/2019 được lập tại Văn phòng C.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trương Kim L1.

Buộc ông **Huỳnh Kim L** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Trương Kim L1** số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/5/2022, nguyên đơn ông **Huỳnh Kim L** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - **T, tỉnh Ninh Thuận**. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn vì việc lập hợp đồng vay tiền là thỏa thuận để phân chia tài sản chung chiếc xe ô tô tải biển số 85C - 045.19

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; không rút hay thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo; Bị đơn không rút yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định đây là hợp đồng vay tài sản giữa ông **L** và bà **L1** theo hợp đồng vay tiền được công chứng; **Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Huỳnh Kim L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông **Huỳnh Kim L** nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của các đương sự. Tòa án sơ thẩm đã thụ lý chưa đầy đủ các mối quan hệ pháp luật tranh chấp, cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp cho phù hợp: “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; Chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn; Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Vụ án thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – **T** là đúng theo quy định tại điều 27, điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Kim L nhận thấy:

Trong thời kỳ hôn nhân bà L1 và ông L cùng nhau tạo lập tài sản chung là 01 (một) xe ô tô biển số 85C-045.19; nhãn hiệu HINO, màu trắng, loại tải có mui, số máy J08EWD10128, số khung 8JW7HXX10020 theo Giấy chứng nhận đăng ý xe ô tô số 003496 do Phòng C1 – Công an tỉnh N cấp ngày 13/8/2018 cho bà Trương Kim L1 và thế chấp vay Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 1.240.000.000 đồng. Các bên đã thỏa thuận được về chia tài sản chung, nợ chung.

Xét Hợp đồng cho vay tiền số 16/HĐVTS ngày 22/04/2019 được lập tại Văn phòng C có nội dung: bà Trương Kim L1 cho ông Huỳnh Kim L vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng từ ngày 22/4/2019 đến ngày 22/6/2019, các bên đã viết, ký và lấn dấu vân tay.

Ông L yêu cầu hủy hợp đồng vay tiền được công chứng vì: “ thực tế không có việc vay mượn. Do cả hai phát sinh mâu thuẫn và muốn ly hôn nên có thỏa thuận thống nhất với nhau: ông sẽ lấy chiếc xe ô tô trên và chịu trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng; đồng thời, ông L sẽ trả cho bà L1 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, để làm tin, ngày 22/4/2019, ông và bà L1 đến Văn phòng C lập Hợp đồng cho vay tiền số 16/HĐVTS, số tiền 400.000.000 đồng”. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, ông L đã cung cấp cho Tòa án 01 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa ông L và bà L1 về việc phân chia tài sản, nợ chung của vợ chồng.

Qua xem xét nội dung ghi âm thể hiện: “ cuộc nói chuyện giữa 1 người nam và một người nữ về việc khoản vay ngân hàng 1.200.000.000 đồng, người nữ bán chiếc xe cho người nam giá 1.500.000.000 đồng, người nam thanh toán nợ ngân hàng còn lại và đưa cho người nữ số tiền 420.000.000 đồng sau 02 tháng. Cả hai hẹn nhau thứ hai người nam sẽ làm cho người nữ một giấy tay thể hiện việc nhận nợ, sau 02 tháng thì người nam giao đủ tiền và sẽ sang tên qua cho người nam, sau khi làm giấy thì người nữ sẽ giao chiếc xe cho người nam trọn quyền quyết định, từ ngày thứ hai đến ngân hàng xong là người nữ giao cho người nam và người nam chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Sau đó cả hai đường ai nấy đi”. Ông L thừa nhận giọng nam trong đoạn ghi âm là của ông, còn giọng nữ là của bà L1, đoạn ghi âm này được ông thực hiện vào lúc 15h00 ngày 20/4/2019 bằng điện thoại OPPO ông đang sử dụng. Tại giai đoạn phúc thẩm ông L có yêu cầu giám định giọng nói, tuy nhiên Tòa án đã 02 lần triệu tập họp lệ bà L1 với nội dung để thực hiện ghi âm giọng nói tiến hành thủ tục giám định nhưng bà L1 không đến.

Quá trình thu thập chứng cứ xác định: Ngày 22/4/2019 (được xác định là Thứ hai trong tuần) bà Trương Kim L1 và ông Huỳnh Kim L có đến Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T để nộp đơn thuận tình ly hôn theo giấy xác nhận đơn

số 254/2019/GXN-TA, nội dung đơn không đề cập đến yêu cầu chia tài sản và nợ chung. Sau đó, cùng ngày ông **L** ký hợp đồng vay tiền bà **L1** số 16/HĐVTS tại **Văn phòng C**. Tại điều 2 hợp đồng thể hiện: “việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước Pháp luật”... Thời điểm vay và thời hạn thanh toán nợ cả hai vẫn trong giai đoạn hôn nhân tồn tại, giữa hai bên không xác lập chế độ tài sản theo thỏa thuận, tài sản tạo lập trong thời kỳ hôn nhân vẫn là tài sản chung. Mặc khác, bà **L1** không chứng minh được nguồn tiền cho vay và có việc giao nhận số tiền 400.000.000 đồng. Từ sau ngày 22/4/2019 thì ông **L** là người thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hàng tháng khoản vay cho Ngân hàng cho đến nay và điều này được Ngân hàng thừa nhận. Quá trình tố tụng ông **L** cũng không yêu cầu bà **L1** hoàn trả $\frac{1}{2}$ số tiền ông đã tự thanh toán nợ cho Ngân hàng từ tháng 4/2019 đến nay với số tiền thanh toán nợ gốc 706.143.000 đồng và nợ lãi. Đồng thời, các lần nộp đơn ly hôn về sau (ngày 23/8/2019 và ngày 14/5/2020) bà **L1** cũng không đề cập đến việc cho ông **L** vay nợ chưa trả khi thời hạn thanh toán khoản vay đã kết thúc từ 22/6/2019. Mặc dù bà **L1** không thừa nhận giọng nói của mình, tuy nhiên bà không hợp tác để thực hiện giám định giọng nói và diễn biến sự việc trước, sau ngày 22/4/2019 hoàn toàn phù hợp và có liên quan đến việc ghi âm về số tiền vay nợ ngân hàng, nhân viên ngân hàng tên **H1**, tài sản chung và giá trị chiếc xe ô tô, thỏa thuận làm giấy vay nợ thời hạn 02 tháng, người thực hiện thanh toán khoản nợ cho ngân hàng...

Bà **L1** cho rằng nếu thỏa thuận phân chia tài sản thì phải lập văn bản phân chia tài sản chung chứ không lập hợp đồng vay tiền, tuy nhiên thời điểm này xe ô tô và Giấy chứng nhận đăng ý xe ô tô số 003496 do **Phòng C1 – Công an tỉnh N** cấp ngày 13/8/2018 cho bà **Trương Kim L1** đang được thế chấp vay vốn tại Ngân hàng, do đó không thể thực hiện công chứng hợp đồng phân chia tài sản chung vì sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bên thứ ba là Ngân hàng và vi phạm điều cấm. Tại phiên tòa bà **L1** luôn trình bày ông **L** là người mất uy tín, mượn tiền bà nhiều lần không trả, cả hai đã mâu thuẫn và xác định ly hôn thì khó có thể khi nộp đơn ly hôn bà **L1** lại cho ông **L** vay số tiền 400.000.000 đồng. Thực tế các bên không thực hiện giao nhận tiền, mục đích hai bên ký là giả tạo, do đó hợp đồng vô hiệu cần phải hủy bỏ.

Như vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn **Trương Kim L1** buộc ông **Huỳnh Kim L** phải trả số tiền 400.000.000 đồng là không có căn cứ và chưa đánh giá đầy đủ các tình tiết của vụ án. Do đó, có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông **Huỳnh Kim L**.

[2.2] Cấp sơ thẩm tuyên sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho bà L1, ông L có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận đăng ý xe ô tô số 003496 là không đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng khi chưa thực hiện xong nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng và không phù hợp quy định của pháp luật về tài sản thế chấp tại điều 323 Bộ luật Dân sự, do đó cần sửa lại cách tuyên cho phù hợp và việc không tuyên án phí sơ thẩm về thực hiện nghĩa vụ tài sản của bên thứ ba từ tài sản chung theo quy định tại điểm b khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Kim L; Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận.

[3] Về án phí:

[3.1]Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên tiền án phí dân sự sơ thẩm được sửa lại cho phù hợp. Các đương sự đã thỏa thuận được về việc chia tài sản chung, nợ chung trước khi mở phiên tòa nên chịu 50% án phí sơ thẩm. Ông Huỳnh Kim L, và bà Trương Kim L1 mỗi người phải chịu 11.316.960 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia. Đồng thời mỗi người còn phải chịu 5.994.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận, do đó bà Trương Kim L1 phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2]Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông L 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Những nội dung khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ: Điều 27, khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điều 147, điều 148, điều 157, điều 165, điều 293 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các điều 33, điều 37, điều 59, điều 62 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 323, điều 357, điều 463, khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điều 27, điều 29 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của ông **Huỳnh Kim L**. Sửa bản án sơ thẩm số 25/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – **T, tỉnh Ninh Thuận**. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Huỳnh Kim L** về việc “ Chia tài sản chung, nợ chung; Vô hiệu văn bản công chứng”.

1.1. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông **Huỳnh Kim L** và bà **Trương Kim L1** về việc chia tài sản chung và nợ chung:

Ông **Huỳnh Kim L** được quyền sở hữu 01 (một) xe ô tô biển số 85C-045.19; nhãn hiệu HINO, màu trắng, loại tải có mui, số máy J08EWD10128, số khung 8JW7HXX10020 theo Giấy chứng nhận đăng ý xe ô tô số 003496 do **Phòng C1 – Công an tỉnh N** cấp ngày 13/8/2018, trị giá 1.500.000.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*).

Đồng thời, ông **Huỳnh Kim L** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Trương Kim L1** số tiền 465.848.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng*) chênh lệch chia tài sản chung sau khi đã căn trừ nghĩa vụ trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông **Huỳnh Kim L** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần B** số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số HĐTD62020181029 ngày 20/8/2018, tính đến ngày 21/4/2022 là 499.441.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn đồng*) và tiền lãi trên số dư nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 472/2018/HĐTC/CN Ninh Thuận được ký kết ngày 20/8/2018 giữa **Huỳnh Kim L**, bà **Trương Kim L1** với **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – chi nhánh N** đối với tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 85C-045.19; nhãn hiệu HINO, màu trắng, loại tải có mui, số máy J08EWD10128, số khung 8JW7HXX10020 theo Giấy chứng nhận đăng ý xe ô tô số 003496 do **Phòng C1 – Công an tỉnh N** cấp ngày 13/8/2018 cho bà **Trương Kim L1** để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp ông **L** không thanh toán hoặc thanh toán

không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp được xử lý theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

1.2. Vô hiệu văn bản công chứng; Huỷ Hợp đồng cho vay tiền số 16/HĐVTS với số công chứng 3044, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/04/2019 được lập tại Văn phòng C.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trương Kim L1 đối với ông Huỳnh Kim L về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” số 16/HĐVTS ngày 22/04/2019 đối với số tiền 400.000.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Kim L phải chịu 17.311.000 đồng (*Mười bảy triệu ba trăm mười một ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 7.800.000 đồng (*Bảy triệu tám trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0022836 và 0022837 cùng ngày 21/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – T, ông L còn phải nộp thêm số tiền 9.511.000 đồng (*Chín triệu năm trăm mười một ngàn đồng*).

Bà Trương Kim L1 phải chịu 37.311.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu ba trăm mười một ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) ông Nguyễn Quốc T đã nộp thay bà L1 theo biên lai thu tiền số 0023275 ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T. Bà Trương Kim L1 phải nộp thêm số tiền 27.311.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu ba trăm mười một ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Kim L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông L 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004062 ngày 13/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T.

Những nội dung khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19/9/2022).

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hàng Lâm Viên Ngô Thị T1

Phạm Thị Anh T2

Nơi nhận:

- Đường sự (11);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND T.P PRTC(1);
- Chi cục THADS T.P PRTC(1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

Phạm Thị Anh Trang

